

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2025/DS-ST
Ngày: 30-7-2025
“V/v Tranh chấp kiện đòi lại
tiền đặt cọc lúa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

Bà Vũ Thị Đào.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 tham gia phiên tòa:** Bà Thị Xà Ly – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2025 và ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2024/TLST-DS, ngày 03/6/2024 về việc “Tranh chấp kiện đòi lại tiền đặt cọc trong hợp đồng đặt cọc lúa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Trần Hoàng A – sinh năm 1996; (có mặt)

Địa chỉ: ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Thắng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Nay là: ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Tuy, tỉnh An Giang.

- **Bị đơn:** ông Văn M – sinh năm 1945 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ H, ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Nay là: ấp V, xã V, tỉnh An Giang.

- **Người làm chứng:**

1/- Ông Lâm Hoàng T – Sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Nay là: ấp V, xã V, tỉnh An Giang.

2/- Ông Nguyễn Thành P – Sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Nay là: ấp V, xã V, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2024, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Hoàng A trình bày:

Tôi là cò lúa, vào ngày 17/11/2023 âm lịch, tôi có đến gặp ông Văn M thỏa thuận về việc mua lúa và cắt lúa, hai bên không có thỏa thuận giá cụ thể mà thỏa thuận giá sống, báo trước cắt 15 ngày. Để làm tin tôi có đưa cho ông M tiền đặt cọc lúa là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Sau đó, khi tôi chốt giá bên ông M không chịu vì giá lúa bên tôi mua thấp hơn nên ông M không bán lúa cho tôi, ông M bán lúa cho người khác nhưng ông M không chịu trả lại tiền cọc lúa 10.000.000đ (mười triệu đồng) mà tôi đã đặt cọc cho ông.

Tại phiên tòa, anh Trần Hoàng A trình bày do anh cũng có một phần lỗi nên anh xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.000.000đ, anh chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Văn M phải trả cho anh $\frac{1}{2}$ số tiền đặt cọc lúa là 5.000.000đ (Năm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn, tại Tờ tường trình, Biên bản lấy lời khai của đương sự, Biên bản hòa giải cùng ngày 26/3/2025 và tại phiên tòa bị đơn ông Văn M trình bày:

Tôi với anh Hoàng A không có quan hệ họ hàng gì hết, có quen biết do ở cùng xóm với nhau. Việc đặt cọc do bà Tư S và ông Lâm Hoàng T chỉ, do chỗ anh Hoàng A đã đặt cọc mua lúa của bà Tư S trước tôi. Khi giao kết hai bên có ký “Hợp đồng thu mua lúa”, hợp đồng đó do bên bỏ cọc là anh Hoàng A làm rồi đem lại cho tôi ký, ký vào ngày 17/11/2023 âm lịch. Khi đặt cọc tôi có nói với Hoàng A lúa của tôi giống F1 thì Hoàng A nói giống gì cũng mua, thỏa thuận mua bằng giá sống. Khi nào còn khoảng 10 ngày cắt lúa, rút nước thì cho bên Hoàng A hay thì bên Hoàng A báo giá nên tôi mới đồng ý nhận cọc. Sau đó, tôi rút nước ruộng, tôi gặp trực tiếp Hoàng A kêu ghé coi lúa, Hoàng A có lên coi rồi về, Hoàng A hẹn hôm sau sẽ kêu ông chủ mua lúa lên coi, sau đó không có ai lên, tôi cũng đợi. Khoảng 10 ngày sau mới có người lên, rồi trả lời với tôi “*lúa của ông bây giờ ghe không ăn*” trả giá 6.600đồng nhưng giá thị trường là 7.600đồng – 7.700đồng, nên tôi không đồng ý bán, tôi yêu cầu bán theo giá thị trường thì bên phía Hoàng A không chịu mua. Tôi có nói với phía Hoàng A nếu tôi kêu ghe khác tôi bán giá 6.600đồng thì tôi sẽ trả lại số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) đã đặt cọc nhưng nếu tôi bán hơn giá 6.600đồng thì tôi không trả cọc, cuối cùng dù lúa của tôi đã hơi gục, sập xuống, cắt bị đổ nhưng tôi vẫn bán được giá 7.000đồng. Do đó, tôi mới không đồng ý trả lại số tiền Hoàng A đã đặt cọc cho tôi.

Ngoài những điều trên thì khi giao kết hai bên không có thỏa thuận về phạt cọc hay bồi thường hợp đồng, chỉ thỏa thuận bên nào có lỗi thì bên đó bị mất cọc. Đến ngày 13/01/2024 âm lịch lúa tôi chín phía Hoàng A vô coi nói giá, hai bên không chốt được giá nên xảy ra tranh chấp do phía ghe của anh Hoàng A ép giá tôi mua thấp hơn giá thị trường 1.000đ/1kg. Do đó, tôi mới không đồng ý bán vì lúa của tôi tới hai mươi mấy công bán cho ghe H mất của tôi rất nhiều tiền. Lúc tôi nói giá của anh Hoàng A đưa ra thấp hơn giá thị trường 1.000đồng/1kg nên tôi không bán thì phía anh Hoàng A không có cái cớ gì chỉ nói là phía Hoàng A mua giá đó nếu như tôi không chịu bán thì phải trả cọc lại cho Hoàng A. Tôi không đồng ý, đồng thời có kêu phía Hoàng A tăng giá lên nhưng phía Hoàng A không đồng ý tăng giá nên tôi mới kêu ghe khác bán.

Việc tranh chấp này do tôi và phía Hoàng A xảy ra tranh chấp, không có liên quan gì đến bà Nguyễn Thị B vợ của tôi, vì việc này chỉ có tôi thỏa thuận với Hoàng A thôi nên yêu cầu Tòa không đưa vợ tôi vô vụ kiện này.

Đối với yêu cầu của anh Trần Hoàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc tôi phải trả cho anh Hoàng A số tiền đặt cọc lúa là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) thì tôi không đồng ý trả cho anh Hoàng A số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) đã đặt cọc. Vì phía tôi không sai mà do phía Hoàng A mua giá thấp hơn giá thị trường nên phía Hoàng A là người sai, ai sai thì người đó bỏ cọc do đó tôi không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng A, phía Hoàng A sai thì phải mất cọc.

Theo Tờ tường trình ngày 26/3/2025 tôi có trình bày có bà Võ Thị S1 (tức bà Tư S) làm chứng cho tôi. Tuy nhiên, bà S đã có ký tên trong tờ tường trình nên tôi không yêu cầu Tòa án triệu tập bà S ra tham gia trong vụ kiện, cũng như không yêu cầu triệu tập bà S đến phiên xét xử.

Tại phiên tòa, ông M cho rằng phía anh Hoàng A hoàn toàn sai với ông vì khi ông rút nước ông báo liền nhưng 10 ngày anh Hoàng A vẫn không vô chốt giá và sau đó khi lúa gặt phía ghe Hoàng A vẫn cố tình mua thấp hơn giá thị trường là cố tình ép giá ông, ông không đồng ý trả lại số tiền cọc 5.000.00đ cho anh Hoàng A vì ông bị thiệt thòi do việc bán trể bị mất lúa và vì một phần không muốn làm tiền lệ để những vụ mùa sau để chủ ghe và cò lúa ép giá người nông dân.

Người làm chứng ông Lâm Hoàng T trình bày:

Sự việc đặt cọc lúa và mua lúa giữa Trần Hoàng A và ông Văn M thỏa thuận tại chòi của gia đình tôi và khi giao tiền đặt cọc cũng giao tiền tại chòi của tôi, sự việc diễn ra tôi chứng kiến tất cả. Theo tôi, sự việc này không thực hiện theo đúng sự giao kèo giữa hai bên, thứ nhất khi bỏ cọc giữa Hoàng A và ông M thỏa thuận trước khi cắt lúa 10 ngày bên ông M sẽ xiết nước, bên Hoàng A có trách nhiệm vô coi lúa và chốt giá nhưng phía ông M xiết nước xong cho Hoàng A hay nhưng bên Hoàng A không vô chốt giá. Phần đất của ông M là 30 công tầm nhỏ (30.000m²) tính từ ngày xiết nước tới cắt là trên 10 ngày phía Hoàng A vẫn không vô chốt giá, đủ ngày cắt bên ông M cắt trước 3 công là lúa ăn của nhà, đến lúc đó phía Hoàng A vẫn chưa vô, ông M cắt xong 03 công lúa ăn thì chiều tối Hoàng A mới vô chốt giá nhưng chốt với ông M giá 6.800đ/kg, trong khi đó hiện tại thời điểm đó giá thị trường là 7.000.000đ nhưng không biết lý do gì phía Hoàng A chỉ chốt giá 6.800đ nên ông M không đồng ý bán. Tính từ ngày chốt giá đến 1 tuần sau ông M và Hoàng A vẫn không thỏa thuận được giá, sau đó ông M bán cho ghe khác giá 7.000đ/kg chung ghe với tôi.

Lúc đầu tôi cũng nhận đặt cọc của Hoàng A nên tôi mới giới thiệu cho ông M, còn 4 ngày lúa tôi cắt thì Hoàng A chốt giá 8.800đ, sau đó tới ngày cắt lúa sứt nên Hoàng A không cắt, sau đó Hoàng A chốt lại 7.400đ/kg tôi không bán, tôi bắt Hoàng A bỏ cọc, đối với trường hợp của tôi thì Hoàng A mất cọc.

Theo tôi chỗ Hoàng A sai là đến ngày cắt nhưng không vô gặp gia đình ông M chốt giá và khi lúa sứt thì Hoàng A không vô gặp ông M thương lượng

lại kéo dài khoảng 10 ngày làm cho phía ông M bán trễ và lúa gặt bị mất lúa. Theo tiền lệ tại địa phương có giao kèo thỏa thuận đảng hoàng thì phía Hoàng A sẽ bị mất cọc. Tôi biết bao nhiêu tôi đã trình bày bấy nhiêu, tôi không bênh nào cả vì chỗ Hoàng A cũng quen biết và tôi cũng là người chỉ cho Hoàng A mua lúa của ông M, còn ông M là hàng xóm. Sự việc này tôi đã trình bày xong, có mặt của cả hai bên, tôi không giấu diếm hay bênh vực ai. Do tuổi cao, điều kiện đi lại khó khăn nên tôi yêu cầu Tòa án không triệu tập và xét xử vắng mặt tôi, tôi cam đoan sẽ không khiếu nại gì về sau.

Người làm chứng ông Nguyễn Thành P trình bày:

Thời điểm giữa Trần Hoàng A và ông Văn M thỏa thuận đặt cọc lúa tôi đang là Trưởng ấp V. Thời điểm hai bên xảy ra tranh chấp là do giá lúa đang sụt, giá thị trường tại thời điểm đó đang dao động khoảng 7.700đ – 7.800đ/kg, bản thân tôi bán giá 7.800đ/kg, của tôi lúa giống 5451 nhưng tại địa phương giống 5451 giá bán lúc nào cũng cao hơn giống lúa F lai. Nhưng giá còn do thời điểm xạ sớm hay xạ trễ, thời điểm chín chứ không phải phụ thuộc vào giống, nhưng giá tại địa phương không có giá lúa nào và ghe nào mua thấp hơn 7.000đ/kg, tại địa phương lúc đó không có ai bán giá 6.800đ.

Việc thỏa thuận đặt cọc và mua bán giữa Hoàng A và ông M tôi không có mặt chứng kiến khi hai bên thỏa thuận. Tuy nhiên, thời điểm chốt giá do giá lúa đang sụt nên một số ghe bỏ cọc xong, chốt giá xong vẫn chấp nhận bỏ cọc, Hoàng A không phải chủ ghe mà chỉ là cò, có thể phải phụ thuộc vào chủ ghe khi chốt giá.

Giá 6.800đ/kg Hoàng A chốt giá cho ông M tại thời điểm đó là hơi thấp hơn so với một số ghe khác, ghe khác mua thấp thì cũng giá 7.000đ, tại địa phương lúc đó bà con bán giá thấp nhất là 7.000đ, không ai bán giá 6.800đ, so với giá lúa tại thời điểm thì chủ ghe chốt giá lúa của ông M 6.800đ là có phần hơi ép giá ông M.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng dân sự, kiện đòi lại tiền đặt cọc hợp đồng mua lúa” là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên còn vi phạm thời gian chuẩn bị xét xử nên cần rút kinh nghiệm.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 26, 35, 91, 147, 229, 266 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 116, 117, 118, 119, 120 và 328 Bộ luật Dân sự 2015: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng A đối với số tiền 5.000.000đ, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Hoàng A về việc buộc ông Văn M phải trả cho anh Hoàng A số tiền đặt cọc lúa là 5.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại nên anh Trần Hoàng A khởi kiện ông Văn M về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự, kiện đòi lại tiền đặt cọc mua lúa” được Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn anh Trần Hoàng A và bị đơn ông Văn M thống nhất xác định bà Nguyễn Thị B (vợ ông M) không có liên quan gì đến nội dung tranh chấp. Anh Hoàng A và ông M xác định hai bên tự giải quyết với nhau và yêu cầu Tòa án không đưa bà Nguyễn Thị B vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan trong vụ kiện.

Anh Trần Hoàng A xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền đặt cọc lúa yêu cầu ông M phải trả là 5.000.000đ. Việc tự nguyện rút 01 phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là phù hợp nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, chấp nhận đình chỉ một phần yêu cầu này của nguyên đơn.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn anh Trần Hoàng A và bị đơn ông Văn M thừa nhận: Thời gian vào ngày 17/11/2023 âm lịch, giữa anh Hoàng A với ông M có thỏa thuận giao kết hợp đồng đặt cọc lúa với nhau, anh Hoàng A là cò lúa, chịu trách nhiệm mua lúa giao cho ghe, ông M là chủ đất, phía anh Hoàng A có giao cho ông M số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) đặt cọc để làm tin mua lúa của ông M khi lúa chín, hai bên không có thỏa thuận về giá mua bán cụ thể, cũng không có thỏa thuận về tiền cọc hay phạt cọc khi xảy ra tranh chấp. Hai bên chỉ thỏa thuận giá mua là giá sống, đến khi lúa chín còn khoảng 10 ngày cắt được thì hai bên sẽ chốt giá.

Sau đó, còn khoảng 10 ngày tới ngày cắt phía ông M xiết nước và thông báo cho anh Hoàng A vào chốt giá, thì phía anh Hoàng A không vô chốt giá liền vì giá lúa thị trường lúc đó đang sụt, nhưng phía Hoàng A lại chốt giá với ông T hàng xóm với ông M. Khoảng 10 ngày sau Hoàng A vô gặp ông M chốt mua với giá 6.800đ/kg trong khi tại địa phương lúc đó giá lúa đang dao động từ 7.700đ – 7.800đ/kg, người bán giá thấp nhất cũng 7.000đ, không có ai bán giá 6.800đ cho nên phía ông M cho rằng phía Hoàng A cố tình ép giá đối với ông, vì vậy ông không đồng ý bán. Anh Hoàng A thì cho rằng ông M không bán lúa cho anh thì phải trả lại tiền đặt cọc, còn ông M thì cho rằng do bị phía chủ ghe của Hoàng A cố tình ép giá ông không bán đúng thời gian nên lúa bị gục, mất lúa rất nhiều nên ông bị thiệt thòi tiền đặt cọc đó bù vào khoản ông bị mất. Thêm vào đó, nếu như ông trả lại cọc cho Hoàng A thì sẽ làm tiền lệ cho những cò lúa khác và mùa vụ khác người nông dân lại tiếp tục bị chủ ghe và cò lúa ép giá.

Xét về nội dung hợp đồng đặt cọc như trên giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo Điều 328 Bộ luật Dân sự 2015 nên phát sinh hiệu lực thi hành.

[3] Xét yêu cầu của anh Trần Hoàng A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông

Văn M phải trả cho anh $\frac{1}{2}$ số tiền đặt cọc lúa là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

HĐXX xét thấy hợp đồng đặt cọc giữa anh Hoàng A với ông M được lập bằng văn bản nhưng nội dung rất sơ sài. Theo đó, hai bên thừa nhận việc đặt cọc là để làm tin khi lúa chín ông M sẽ ưu tiên bán lúa cho ghe của anh Hoàng A, tiền đặt cọc (bỏ cọc) sẽ được trừ lại khi mua bán. Ngoài ra, các bên không có thỏa thuận về giá, về điều kiện khi xảy ra tranh chấp hoặc bồi thường cọc hay phạt cọc.

Anh Hoàng A cho rằng nguyên nhân dẫn đến không thực hiện hợp đồng được là do phía ông M không chịu bán lúa cho anh mà bán cho ghe khác nên anh yêu cầu phía ông M trả lại tiền đã đặt cọc.

Ông M thì cho rằng ông không bán cho ghe của anh Hoàng A là vì khi đặt cọc ông có nói với Hoàng A lúa của ông giống F1 thì Hoàng A nói giống gì cũng mua, thỏa thuận mua bằng giá sống. Khi nào còn khoảng 10 ngày cấy lúa, rút nước thì cho bên Hoàng A hay thì bên Hoàng A báo giá nên ông mới đồng ý nhận tiền cọc. Và khi lúa ông M chín, ông thông báo cho anh Hoàng A chốt giá thì phía anh Hoàng A kéo dài thời gian chốt giá để chờ lúa sục, và anh Hoàng A chốt giá mua lúa của ông chỉ có 6.800đồng/kg thấp hơn giá thị trường, việc này cũng được 2 người làm chứng là ông Nguyễn Thành P và ông Lâm Hoàng T xác nhận lỗi nằm ở phía anh Hoàng A không chốt giá đúng thời điểm lúa chín, anh Hoàng A cố tình kéo dài thời gian chốt giá vì giá lúa đang sục, giá của anh Hoàng A đưa ra cũng thấp hơn giá thị trường tại thời điểm. Tất cả các yếu tố chứng minh và khẳng định rằng anh Hoàng A đang cố tình ép giá phía ông M cho nên phía ông M có căn cứ cho rằng anh Hoàng A ép giá và có lý do để không phải trả lại số tiền mà anh Hoàng A đã đặt cọc. Do đó HĐXX nghĩ nên bác yêu cầu của anh Hoàng A là phù hợp.

[4] Về án phí: Anh Trần Hoàng A phải chịu án phí đối với phần yêu cầu bị bác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các các Điều 26, 35, 91, 147, 229, 266 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 116, 117, 118, 119, 120 và 328 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hoàng A về việc yêu cầu buộc ông Văn M phải trả cho anh số tiền đặt cọc lúa là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hoàng A về việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông M phải trả số tiền đặt cọc lúa là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Hoàng A phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền anh đã nộp

tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006013 ngày 03/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5, Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, anh Trần Hoàng A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 30/7/2025.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Nhật